

QUYẾT ĐỊNH

Quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ và trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 593/TTr-STC ngày 19 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ và trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công thuộc ngân sách nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý theo điểm a khoản 2 Điều 28 của Nghị định số 254/2025/NĐ-CP quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

b) Trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công thuộc ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý theo điểm b khoản 2 Điều 28 của Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công thuộc ngân sách nhà nước của Ủy ban nhân dân các cấp quản lý trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ và trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh An Giang

1. Thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ hằng năm của chủ đầu tư, sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đối với vốn đầu tư công thuộc ngân sách của Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý

a) Chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 01 tháng 3 năm sau năm quyết toán.

b) Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh xét duyệt báo cáo quyết toán của chủ đầu tư; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 3 năm sau năm quyết toán.

c) Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đối chiếu với cơ quan thanh toán nơi giao dịch để xác nhận các số liệu phục vụ công tác quyết toán theo niên độ chi tiết đến từng chương trình, nhiệm vụ, dự án trước khi tổng hợp, gửi báo cáo quyết toán theo niên độ cho Sở Tài chính.

d) Trường hợp sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ đầu tư thì thực hiện xét duyệt báo cáo quyết toán; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán; thực hiện đối chiếu với cơ quan thanh toán nơi giao dịch để xác nhận các số liệu phục vụ công tác quyết toán theo niên độ chi tiết đến từng chương trình, nhiệm vụ, dự án, tổng hợp, lập báo cáo quyết toán gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 3 năm sau năm quyết toán.

đ) Cơ quan thanh toán cấp khu vực tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ báo cáo Sở Tài chính và cơ quan thanh toán cấp trung ương trước ngày 15 tháng 4 năm sau năm quyết toán.

2. Trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt quyết toán theo niên độ hằng năm đối với vốn đầu tư công thuộc ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý

a) Chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 15 tháng 02 năm sau năm quyết toán.

b) Phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã xét duyệt báo cáo quyết toán của chủ đầu tư; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 01 tháng 3 năm sau năm quyết toán.

Trường hợp báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư lập chưa đúng quy định, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu chủ đầu tư giải trình, cung cấp thông tin, số liệu cần thiết, điều chỉnh hoặc yêu cầu lập lại báo cáo để xét duyệt theo quy định. Phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu chủ đầu tư nộp các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch được giao, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư sử dụng vốn không đúng quy định.

c) Phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối chiếu với cơ quan thanh toán nơi giao dịch để xác nhận các số liệu phục vụ công tác quyết toán theo niên độ chi tiết đến từng chương trình, nhiệm vụ, dự án, trước khi tổng hợp, gửi báo cáo quyết toán theo niên độ cho cơ quan tài chính cùng cấp.

Trường hợp phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư thì thực hiện xét duyệt báo cáo quyết toán; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán; thực hiện đối chiếu với cơ quan thanh toán nơi giao dịch để xác nhận các số liệu phục

vụ công tác quyết toán theo niên độ chi tiết đến từng chương trình, nhiệm vụ, dự án, tổng hợp, lập báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 01 tháng 3 năm sau năm quyết toán.

d) Cơ quan thanh toán nơi giao dịch tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (phần Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý) trước ngày 01 tháng 3 năm sau năm quyết toán.

đ) Cơ quan tài chính cấp xã kiểm tra quyết toán của đơn vị dự toán ngân sách cấp I, tổng hợp quyết toán theo niên độ của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp mình, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, đồng thời gửi về Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 3 năm sau năm quyết toán để phối hợp theo dõi số liệu quyết toán.

e) Chậm nhất trong vòng 05 ngày làm việc sau khi được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước của năm quyết toán, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách do cấp xã quản lý về Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 9 năm 2026.
2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 63/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thời gian gửi báo cáo quyết toán và thẩm định, thông báo thẩm định quyết toán năm

b) Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 63/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thời gian gửi báo cáo quyết toán và thẩm định, thông báo thẩm định quyết toán năm.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP UBND: LĐVP, P.KT, P.KGVX, P.TH;
- Trung tâm Công báo – Tin học;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, lmhung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trung Hồ